

Tổ Chức Xã Hội Thời Trần

Tổ chức xã hội thời Trần (1225 - 1400) được phân ra làm 4 cấp: quý tộc, nông nô, nô tỳ; nông dân làng xã; các vùng kinh tế - xã hội.

1. Quý tộc:

Sau khi thay thế nhà Lý, nhà Trần lên nắm chính quyền, từ trung yống đến các địa phương, thân tộc họ Trần trở thành bộ máy chính quyền từ trung ương đến cơ sở.

Quý tộc nhà Trần không hoàn toàn cụm lại ở kinh đô Thăng Long hay phủ Thiên Trường, mặc dù ở hai trung tâm này là nhiều nhất. Họ ở rải ra nhiều nơi, khắp đồng bằng, trung du cho đến miền Thanh - Nghệ, chia nhau nắm chính quyền và một số ít truyền chức vị cho con cháu đời sau. Nguyên tắc kết hôn trong dòng họ giúp cho nhà Trần giữ vững được vị trí thống trị.

Quý tộc nhà Trần có thái ấp, có điền trang. Dưới quyền họ có nông nô và gia nô. Trong thế kỷ XIII và nửa đầu thế kỷ XIV, tập đoàn quý tộc nhà Trần có nhiều đóng góp tích cực, làm vẻ vang cho lịch sử dân tộc. Các vua Trần như: Trần Thái Tông (1225 - 1258), Trần Thánh Tông (1258 - 1278), Trần Nhân Tông (1278 - 1293) đã góp phần không nhỏ trong sự nghiệp xây dựng đất nước và đánh đuổi quân xâm lược Nguyên - Mông. Các vua Trần Anh Tông (1293 - 1314), Trần Minh Tông (1314 - 1329) đều chăm lo củng cố đất nước. Tiêu biểu nhất cho quý tộc nhà Trần, đồng thời cũng là tinh hoa của Đại Việt thời bấy giờ là Hưng Đạo Đại Vương Trần Quốc Tuấn. Ngoài ra, có thể kể thêm Chiêu Minh Vương Trần Quang Khải, Chiêu Văn Vương Trần Nhật Duật. Họ đều là tướng lĩnh, quan lại, đồng thời còn là nhà văn, nghệ sĩ có nhiều thành tích đóng góp cho dân tộc.

Trong xã hội phong kiến, quý tộc nhà Trần là một đẳng cấp riêng biệt. Đương nhiên, giữa họ và các tầng lớp lao động khác đều có những mâu thuẫn, nhưng trong thế kỷ XIII chưa bộc lộ gay gắt. Hơn nữa qua ba lần kháng chiến chống quân xâm lược Nguyên - Mông (1258, 1285, 1288), quý tộc nhà Trần cũng nhận thức được rõ vai trò to lớn của các tầng lớp nhân dân, kể cả tầng lớp nông nô, nô tì.

Sang nửa sau thế kỷ XIV, tập đoàn quý tộc nhà Trần bắt đầu suy thoái. Về kinh tế, sự mở rộng của điền trang, thái ấp và hình thức bóc lột nông nô, nô tì làm cho mâu thuẫn giai cấp ngày càng sâu sắc, xã hội dần dần mất ổn định. Những cuộc khởi nghĩa của nông dân nổi dậy liên tiếp làm cho đẳng cấp này càng suy yếu. Đồng thời, những mâu thuẫn trong nội bộ cũng làm cho quý tộc nhà Trần không ổn định được nữa. Và đến năm 1400 thì tập đoàn quý tộc nhà Trần sụp đổ.

2. Nông nô, nô tì:

Đây là một bộ phận đông đảo trong xã hội, họ là những người lao động thấp hèn nhất, khổ cực nhất thời Trần nhưng họ cũng là lực lượng có nhiều đóng góp to lớn trong chiến đấu, đặc biệt là trong cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Nguyên - Mông cuối thế kỷ XIII. Những anh hùng như Yết Kiêu, Dã Tượng xuất thân là nô tì của Trần Quốc Tuấn. Đồng thời, họ cũng là lực lượng sản xuất trong các ngành kinh tế nông nghiệp, thủ công nghiệp, là người hầu hạ trong các gia đình giàu có. Vào giữa thế kỷ XIII, các quý tộc, tôn thất và nhiều quan lại lớn nuôi rất nhiều người hầu. Sử cũ có ghi: "nhiều thì 1000 người, ít thì 100 người".

3. Nông dân làng xã:

Nhà Trần quản lý hầu hết các làng xã ở đồng bằng, đặt hệ thống chính quyền đến hương, xã. Triều đình còn có nhiều biện pháp cụ thể kiểm tra nhân đinh. Những lần kiểm tra lớn đều do các quan lại cao cấp từ kinh đô Thăng Long về phủ, lộ để tổ chức xem xét hộ khẩu. Đến năm 1342, dưới triều vua Trần Dụ Tông (1341 - 1369) mới thực sự củng cố chính quyền cấp xã, để không chế chặt chẽ người nông dân hơn. ở các xã, triều đình cho đặt chức Xã quan gồm: Đại tư xã và Tiểu tư xã. Đồng thời tiến hành làm sổ hộ khẩu, con trai nhỏ gọi là tiểu hoàng nam, con trai lớn gọi là đại hoàng nam, 60 tuổi gọi là lão, ở tuổi "thất thập cổ lai hy" được gọi là long lão.

Ngạch xã quan ra đời là điểm mới trong tổ chức chính quyền thời bấy giờ. Sự tập trung và thống nhất, sự chi phối của triều đình được tăng cường hơn. Đây là sự chuyển biến mạnh mẽ trong công cuộc củng cố đất nước và xây dựng nhà nước phong kiến.

Tuy nhiên, làng xã vẫn bảo lưu được nhiều yếu tố cổ truyền. Các bộ lão được tôn trọng và có vai trò quan trọng trong đời sống chung của xã hội. Năm 1231, vua Trần Thái Tông về phủ Thiên Trường ban yến cho các bộ lão trong hương Tức Mặc và cho lựa theo thứ bậc.

Trong cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Nguyên - Mông lần thứ hai (1285), vua Trần Nhân Tông đã triệu tập các bộ lão tại điện Diên Hồng vào năm 1285 để tham khảo ý kiến. Điều này thể hiện phần nào sự dân chủ trong thể chế làng xã thời Trần.

Mối quan hệ giữa làng xã và nhà nước là hai chiều. Một chiều, nhà nước có nhiệm vụ bảo vệ sự yên lành, chống giặc ngoại xâm, tổ chức đắp đê, khuyến nông, khai hoang. Ngược lại, nhân dân làng xã phải có nghĩa vụ đối với nhà nước, đóng tô, thuế cho triều đình. Do cộng đồng cư dân làng xã không thuần nhất, cho nên nghĩa vụ nộp tô, thuế cũng khác nhau, người có ruộng đất thì phải nộp thuế, còn người không có thì được miễn.

4. Các vùng kinh tế xã hội:

Hình thái kinh tế xã hội của Đại Việt cũng không đồng đều trong phạm vi cả nước. Xung quanh Thăng Long, vùng đồng bằng thuộc lưu vực các sông Hồng, sông Thái Bình là phát triển nhất. Vùng phía bắc, tây bắc, tây Thanh Hoá, Nghệ An và vùng Tân Bình, Thuận Hoá thì có phần lạc hậu hơn.

Vùng miền núi phía bắc, tây bắc, tây Thanh - Nghệ vào thời Trần có nhiều nét chung. Đây là miền biên giới của phủ, lộ Hải Đông, Lạng Châu, Quy Hoá, Đà Giang (sau đổi là Thiên Hưng), nơi cư trú của nhân dân các dân tộc Tày, Thái, Mường. Cảnh quan chung quanh là núi cao và sông suối, xen vào là thung lũng dọc theo thặng lỵ các dòng sông Lô, sông Hồng, sông Đà, sông Mã, sông Lam. Hệ sinh thái cây trồng có điểm khác với đồng bằng và ven biển, đây là vùng đất làm nương rẫy kết hợp với trồng lúa nước. Về tổ chức xã hội và hành chính ở vùng này cũng có các lộ, dưới lộ có các châu (hoặc huyện), rồi đến các động, sách (tương đương với hương ở đồng bằng). Đơn vị quản cù là các bản, người Thái còn có mường. Đứng đầu bản và mường là phụ đạo (người có quyền hành và phạm vi quản lý).

Trong vùng đồng bằng, vào thời Trần, người Việt đã đắp đê, cải tạo mặt bằng, khai thác đầm lầy và lấn biển. Điền trang là một trong những hình thức khai hoang quan trọng để mở rộng diện tích canh tác. Theo tư liệu địa phương cho biết, các làng Việt Yên, Vĩnh Yên, Tức Tranh ở phía nam sông Mã (thuộc huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá) và các làng Y Xá, Mộc Thuận ở phía nam huyện Đông Sơn (tỉnh Thanh Hoá) đã được thành lập vào thời kỳ này. Năm 1306, vua Trần Anh Tông (1293 - 1314) gả công chúa Huyền Trân cho Vua Chiêm Thành là Chế Mân và được Chế Mân đổi cho châu Ô và châu Lý. Nhà Trần lập hai châu đó thành trấn Thuận Hoá (Quảng Trị, Thừa Thiên ngày nay) và cử những quan lại danh tiếng vào làm An phủ sứ hoặc làm Trấn thủ như : Nguyễn Dụ, Trương Hán Siêu.